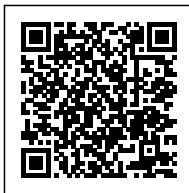


HÒA THƯỢNG NGỘ CHÂN TỬ (1901 - 1988)



Hòa thượng NGÔ CHÂN TỬ
1901 - 1988

Hòa thượng Ngô Chân Tử (1901 - 1988)



HÒA THƯỢNG NGỘ CHÂN TỬ (1901 - 1988)

Hòa thượng Ngô Chân Tử thế danh là Trần Rin, sinh ngày mùng 3 tháng 3 năm Tân Sửu (1901), tại tỉnh Thái Bình trong một gia đình Nho học. Thân phụ là cụ Trần Quán, thân mẫu là cụ Trần Thị Phục. Ngài là anh cả trong số năm anh em (3 trai 2 gái).



Hòa thượng **NGÔ CHÂN TỬ**
1901 - 1988

Hòa thượng Ngô Chân Tử (1901 - 1988)

Sớm hấp thụ và thâm hiểu Nho học từ thời niên thiếu, khi trưởng thành Ngài chuyển sang nghiên cứu Phật học theo sự hướng dẫn của Sư tổ Quang Huy. Nhờ túc căn sẵn có, lại thêm siêng năng nghiên cứu; nên Ngài quyết tâm hướng về đạo giải thoát để tìm cầu chân lý.

Sau một thời gian tâm sư học đạo Ngài đã gặp được Tôn sư Hư Không Tử thường du hóa tha phương, hành đạo theo hạnh Độc giác và chuyên giảng kinh hóa độ quần mê. Với lời giảng thanh thoát và dung mạo uy nghiêm, biểu thị một bậc chân tu thoát tục, Tôn sư đã mau chóng cảm hóa Ngài. Vào ngày mùng 8 tháng 2 năm Kỷ Mùi, Hòa thượng Ngô Chân Tử được Tôn sư trao truyền qui giới với pháp danh Ngô Chân Tử. Sau đó Ngài đã đắc pháp với cụ Tổ chùa Bà Đá - Hà Nội. (1)

Năm Kỷ Mùi (1919), trên bước vân trình theo thầy học đạo, Ngài đã được nhân duyên chiêm bái nhiều nơi cổ tích danh lam. Khi qua Yên Tử, lúc đến Côn Sơn, rồi Non Nước, Tam Đảo, Tản Viên, Hương Tích, chùa Thầy đều là những thắng địa cho việc tọa thiền tu tập.

Năm 1927, Hòa thượng Ngô Chân Tử xin phép Thầy trở về trùng tu chùa làng tại Cao Mại, Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và thỉnh Tôn sư đến giảng kinh. Cao đức của Tôn sư và nhiệt tâm của Ngài đã chuyển hóa gia đình qui hướng Phật đạo, đồng tâm xả tục, phát nguyện trai giới tu hành, đem hết tài sản ruộng vườn hiến cúng Tam Bảo để mở mang Phật sự.

Từ năm 1929 đến năm 1932, Ngài đến trùng tu các chùa Quan Âm tỉnh Kiến An, chùa làng Úc

Gián huyện Kiến Thụy, chùa Văn Đẩu huyện An Lão, chùa Kiên Bái, chùa Côn Sơn, chùa Đỗ Xá huyện Chí Linh, Hải Dương, chùa Phù Cốc, chùa Khánh Vân phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Năm 1935, Ngài mua đất tại Kiến An và sáng lập chùa Hoàng Pháp độ chúng tu hành, hoằng truyền giáo pháp.

Năm 1938, để thực hiện hạnh nguyện bố thí và từ bi, Ngài đã thành lập Viện Dục Anh, tại tỉnh Kiến An, thu nhận các trẻ em nghèo khổ, mất cha mất mẹ, thiếu tình thương về nuôi dạy cho ăn học thành tài. Ngoài ra, Ngài còn mở thêm tiểu thủ công nghiệp để giúp đỡ những người nghèo khó có phương tiện sinh sống. Việc làm này đã được chính quyền đương thời và chư Tôn thiện đức hết sức tán thán và ủng hộ, vì đã thể hiện được tinh thần cứu khổ ban vui của đạo Phật.

Năm 1945 (Ất Dậu), chiến tranh Pháp - Nhật xảy ra trên quê hương, nạn đói tràn lan miền Bắc, thầy chết đầy đường, tiếng khóc than như xé ruột. Đứng trước thảm cảnh tang thương của đồng bào, Ngài đã vận động các cơ quan từ thiện và những nhà hảo tâm tiếp sức với chùa, tổ chức cứu tế xã hội giúp đỡ cơm áo thuốc men cho những người đói, bệnh. Hằng ngày, Ngài cùng với bốn đạo kéo xe đi nhặt các tử thi xấu số không người thừa nhận về mai táng.

Năm 1953, Ngài mua hai mẫu đất tại tỉnh Hải Phòng, mở Tùng Lâm tu viện nay là chùa Phổ Chiếu và lập thêm Viện Dưỡng Lão giúp đỡ người già yếu có nơi an dưỡng, tu niệm.

Năm 1955, với mục đích hoằng dương Phật pháp đến khắp mọi miền, Ngài đã hành đạo đến miền Nam qua các nơi như Gò Công, Cai Lậy, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Châu Đốc.

Năm 1957, nhận thấy Gia Định là nơi thuận duyên trong việc hành đạo, Ngài liền mua sáu mẫu đất tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, sáng lập chùa Hoàng Pháp, mở ra Đạo Tràng Thiền Học, tổ chức in kinh sách ấn tống mong giáo lý Phật đà được phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân.

Năm 1965, trước cảnh màn trời chiếu đất, nhà tan cửa nát của đồng bào do chiến tranh tàn phá tại Đồng Xoài, Thuận Lợi, Ngài đã đón nhận 60 gia đình gồm 361 nhân khẩu về chùa nuôi ăn trong 8 tháng. Sau đó, xây cất khu định cư gồm 55 căn nhà vách tường mái tôn cấp cho đồng bào với đầy đủ các đồ dùng cần thiết trong gia đình.

Năm 1968, Ngài tiếp nhận và trùng tu Niệm Phật Đường Thiện Phước tại số 192/11 đường Nguyễn Trãi quận 5 thành phố Hồ Chí Minh làm nơi giảng kinh thuyết pháp, phổ biến kinh sách.

Cũng năm 1968 chiến tranh vẫn tiếp diễn tàn khốc trên quê hương đất nước, những trẻ thơ mất cha lạc mẹ bơ vơ không nơi nương tựa hoặc nghèo đói thất học ngày càng nhiều. Một lần nữa, Ngài lại thành lập Viện Dục Anh tại xã Tân Hiệp huyện Hóc Môn, tiếp nhận cô nhi và bần nhi từ 6 đến 8 tuổi, khoảng 355 em, nuôi dạy miễn phí, rèn luyện đức trí thể dục để trở thành người hữu dụng cho đất nước trong tương lai.

Năm 1974, mặc dù tuổi đã cao, nhưng với hạnh nguyện từ bi vô lượng, Ngài đã mua 45 mẫu đất tại ấp Phú Đức, xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh dự định thực hiện một chương trình xây dựng làng cô nhi Việt Nam với đầy đủ phương tiện cho các em sinh hoạt và một đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương để nhắc con cháu nhớ đến công cuộc mở nước và dựng nước của các Vua Hùng oanh liệt thuở trước .

Công việc đang được tiến hành xây dựng thì đến tháng 4-1975 đất nước thống nhất, Ngài đã hiến số đất đó cho Ban quản trị khu Kinh tế mới sử dụng, hiện nay là nông trường Lê Minh Xuân.

Từ sau giải phóng, Ngài vẫn tiếp tục những công tác từ thiện xã hội cho đất nước. Mặc dù tuổi cao sức yếu và với kinh tế eo hẹp, Ngài vẫn đóng góp hàng tháng vào trường Cao cấp Phật học và trong cuộc hỏa hoạn ở chợ nhỏ phường 24 quận 1 đường Nguyễn Cảnh Chân, Ngài đã cứu trợ ba đợt cho 32 hộ tại đó.

Với tâm nguyện hoằng pháp để giác ngộ chúng sinh, mặc dù bận rộn rất nhiều công tác Phật sự và từ thiện xã hội, Ngài vẫn không quên truyền bá chính pháp.

Một số kinh sách do Hòa thượng Ngô Chân Tử biên soạn, đã được in ấn như:

1. Kinh Nhựt Tụng (soạn riêng cho chùa tụng đọc).
2. Nghi luật tu trì thiết yếu.
3. Qui giới hành trì.
4. Sự tích nhân quả báo ứng.
5. Tuyên dương diệu pháp.
6. Đạo giải thoát.
7. Tuyên dương chính pháp.
8. Trên đường hành đạo.
9. Khóa niệm tùy thân.
10. Lược sử Phật Tổ.

Năm 1986 tuổi đã cao, biết mình sắp xa rời Đạo tràng, môn chúng, Ngài nhắn nhủ cận kề với môn đồ: “Hãy để tôi về, đừng nuối tiếc gì nữa”. Ngài đã thị tịch lúc 13 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm Mậu Thìn tức ngày 26/11/88 tại chùa Hoàng Pháp. Ngài trụ thế 88 năm, 65 tuổi đạo.

Chú thích:

(1) Hòa thượng Ngô Chân Tử ban đầu hành đạo theo Tam Giáo, nên Ngài tu hạnh biệt truyền, không theo hệ thống giới pháp của Phật giáo chính thống.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX - Tập 1** (Phật giáo giai đoạn thống nhất Phật giáo lần thứ 2)

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**